

Hà Nội, ngày 10 tháng 12 năm 2015

THÔNG TƯ

**Quy định quản lý Chương trình phát triển một số ngành
công nghiệp công nghệ cao**

Căn cứ Luật Công nghệ cao ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 95/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ,

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định quản lý Chương trình phát triển một số ngành công nghiệp công nghệ cao như sau:

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định việc quản lý và tổ chức thực hiện một số nội dung của Chương trình phát triển một số ngành công nghiệp công nghệ cao theo Quyết định số 347/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển một số ngành công nghiệp công nghệ cao thuộc Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao (sau đây viết tắt là Chương trình).

2. Thông tư này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức và cá nhân tham gia thực hiện và quản lý Chương trình, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Ban chỉ đạo Chương trình phát triển một số ngành công nghiệp công nghệ cao đến năm 2020 (sau đây viết tắt là Ban Chỉ đạo) do Bộ trưởng Bộ Công Thương thành lập để trực tiếp chỉ đạo hoạt động của Chương trình.

2. Tổ chức chủ trì nhiệm vụ của Chương trình (sau đây viết tắt là Tổ chức chủ trì): là tổ chức được tuyển chọn hoặc giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ của Chương trình.

3. Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển: là các Danh mục được

ban hành kèm theo Quyết định số 66/2014/QĐ-TTg ngày 25 tháng 11 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển.

Điều 3. Nhiệm vụ của Chương trình

1. Nhiệm vụ của Chương trình bao gồm: dự án công nghiệp công nghệ cao và nhiệm vụ chung của Chương trình.

2. Dự án công nghiệp công nghệ cao (sau đây viết tắt là dự án) bao gồm:

a) Dự án ứng dụng công nghệ cao trong công nghiệp: là dự án có hoạt động làm chủ, thích nghi công nghệ cao; ứng dụng công nghệ cao thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển trong triển khai thực nghiệm, sản xuất thử nghiệm và đầu tư sản xuất sản phẩm trên cơ sở nghiên cứu hoặc chuyển giao công nghệ.

Nội dung của dự án ứng dụng công nghệ cao trong công nghiệp thực hiện theo quy định tại khoản 1, mục II, Điều 1 Quyết định số 347/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao, dự án cung ứng dịch vụ công nghệ cao: là dự án có hoạt động ươm tạo tổ chức công nghệ cao, sản xuất thử nghiệm, đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao, cung ứng dịch vụ công nghệ cao và kinh doanh thử nghiệm. Sản phẩm công nghệ cao, dịch vụ công nghệ cao là sản phẩm, dịch vụ thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển.

Nội dung của dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao, dự án cung ứng dịch vụ công nghệ cao thực hiện theo quy định tại khoản 2 và khoản 3, mục II, Điều 1 Quyết định số 347/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ.

c) Dự án phát triển công nghiệp hỗ trợ phục vụ phát triển công nghiệp công nghệ cao là dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ công nghiệp công nghệ cao thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển được quy định tại điểm c, khoản 3, mục II, Điều 1 Quyết định số 347/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ.

Việc lập, thẩm định, phê duyệt dự án phát triển công nghiệp hỗ trợ phục vụ phát triển công nghiệp công nghệ cao được thực hiện theo quy định đối với hoạt động đầu tư xây dựng tại Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 06 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng.

3. Nhiệm vụ chung của Chương trình là nhiệm vụ nhằm triển khai giải pháp thực hiện Chương trình có nội dung được quy định tại điểm b, khoản 3, mục II và khoản 3 và 4, mục III, Điều 1 Quyết định số 347/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 4. Yêu cầu đối với nhiệm vụ của Chương trình

1. Cơ sở pháp lý thực hiện nhiệm vụ là đầy đủ, rõ ràng.
2. Mục tiêu, nội dung và kết quả dự kiến của nhiệm vụ phù hợp với Chương trình.
3. Ngoài các yêu cầu chung tại khoản 1, 2 Điều này, dự án tham gia thực hiện Chương trình phải đáp ứng các yêu cầu riêng sau:
 - a) Đáp ứng các tiêu chí cơ bản quy định tại Thông tư số 02/2012/TT-BKHCN ngày 18 tháng 01 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn quản lý Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2020.
 - b) Phải có phương án huy động các nguồn tài chính đảm bảo tính khả thi theo quy định tại Thông tư liên tịch số 219/2012/TTLT-BTC-BKHCN ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý tài chính thực hiện Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2020.
 - c) Thời gian thực hiện phù hợp với yêu cầu của từng dự án.

Chương II TỔ CHỨC XÂY DỰNG ĐỀ XUẤT VÀ XÁC ĐỊNH NHIỆM VỤ CỦA CHƯƠNG TRÌNH

Điều 5. Đề xuất nhiệm vụ của Chương trình

1. Hàng năm, các tổ chức xây dựng và gửi hồ sơ đề xuất nhiệm vụ về Bộ Công Thương. Hồ sơ đề xuất bao gồm:
 - a) Văn bản đề xuất nhiệm vụ theo mẫu B1.1-VBĐX-CNC;
 - b) Phiếu đề xuất nhiệm vụ theo mẫu B1.2-PĐX-CNC;
 - c) Các văn bản pháp lý có liên quan (nếu có).
2. Hồ sơ bao gồm 01 bộ hồ sơ gốc và 01 bản file điện tử các tài liệu của bộ hồ sơ gốc theo định dạng MS Office.
3. Hồ sơ đề xuất gửi qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Bộ Công Thương.
4. Đơn vị quản lý nhiệm vụ của Chương trình chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng đề xuất đặt hàng của Ban chỉ đạo đối với nhiệm vụ chung của Chương trình.

Điều 6. Xác định danh mục nhiệm vụ đặt hàng

1. Đơn vị quản lý nhiệm vụ của Chương trình tổng hợp đề xuất của các tổ chức và đề xuất đặt hàng khác để tiến hành phân loại nhiệm vụ của Chương trình theo nhóm lĩnh vực, tổ chức xác định danh mục nhiệm vụ đặt hàng.
2. Việc xác định danh mục nhiệm vụ đặt hàng được thực hiện như sau:
 - a) Đơn vị quản lý nhiệm vụ của Chương trình xem xét, đánh giá sơ bộ hồ sơ đề xuất. Hồ sơ đề xuất phải đáp ứng yêu cầu quy định tại Điều 4 Thông tư này.

b) Trên cơ sở kết quả đánh giá sơ bộ hồ sơ đề xuất, Đơn vị quản lý nhiệm vụ của Chương trình tổ chức xác định nhiệm vụ thông qua hội đồng tư vấn hoặc chuyên gia tư vấn độc lập.

3. Đối với các đề xuất nhiệm vụ chung của Chương trình, Đơn vị quản lý nhiệm vụ của Chương trình báo cáo Trưởng Ban Chỉ đạo xem xét, quyết định nội dung, kinh phí và phương thức tổ chức thực hiện. Trong trường hợp cần thiết, việc xác định nhiệm vụ chung của Chương trình được thực hiện thông qua chuyên gia tư vấn độc lập.

Điều 7. Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ của Chương trình

1. Theo tiến độ đề xuất đặt hàng, lãnh đạo Bộ Công Thương quyết định thành lập các hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ theo chuyên ngành khoa học và công nghệ phù hợp với đề xuất.

2. Thành phần hội đồng tư vấn

a) Hội đồng tư vấn có từ 09 đến 11 thành viên, bao gồm: 01 chủ tịch, 01 phó chủ tịch và các ủy viên hội đồng;

b) Thành viên của hội đồng là đại diện các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Công Thương và các Bộ, ngành có liên quan đến lĩnh vực đề xuất; là các nhà khoa học, các chuyên gia có uy tín, có trình độ chuyên môn phù hợp và am hiểu sâu trong lĩnh vực khoa học và công nghệ được giao tư vấn.

3. Hội đồng có một (01) thư ký hành chính là chuyên viên Đơn vị quản lý nhiệm vụ của Chương trình.

4. Trách nhiệm của hội đồng tư vấn

a) Phân tích, đánh giá, kiến nghị sơ bộ về mục tiêu, nội dung và kết quả dự kiến và phương thức thực hiện (tuyển chọn hoặc giao trực tiếp) của dự án;

b) Tư vấn giúp Bộ Công Thương xác định, lựa chọn các đề xuất cần thực hiện theo quy định;

c) Thành viên hội đồng tư vấn có trách nhiệm nghiên cứu tài liệu do thư ký hành chính cung cấp và chuẩn bị ý kiến nhận xét đánh giá đề xuất đặt hàng;

5. Nguyên tắc và phương thức làm việc của hội đồng tư vấn

a) Hội đồng làm việc theo nguyên tắc dân chủ, khách quan; chịu trách nhiệm cá nhân về tính khách quan, tính chính xác đối với những ý kiến tư vấn độc lập và trách nhiệm tập thể về kết luận chung của hội đồng;

b) Phiên họp của hội đồng phải có mặt ít nhất 2/3 số thành viên, trong đó phải có chủ tịch hoặc phó chủ tịch. Ý kiến bằng văn bản của thành viên vắng mặt chỉ có giá trị tham khảo;

c) Chủ tịch hội đồng chủ trì các phiên họp hội đồng. Trong trường hợp chủ tịch hội đồng vắng mặt, phó chủ tịch hội đồng được ủy quyền bằng văn bản chủ trì phiên họp theo mẫu B2.1-UQ-CNC.

6. Trình tự, thủ tục làm việc của hội đồng
- a) Thư ký hành chính công bố quyết định thành lập hội đồng;
 - b) Đại diện Đơn vị quản lý nhiệm vụ của Chương trình tóm tắt các yêu cầu đối với hội đồng;
 - c) Chủ tịch hội đồng hoặc Phó chủ tịch hội đồng (trong trường hợp Chủ tịch vắng mặt) điều khiển phiên họp;
 - d) Hội đồng bầu 01 thư ký khoa học của Hội đồng;
 - đ) Các thành viên hội đồng thảo luận, đánh giá đề xuất đặt hàng theo các yêu cầu được quy định tại Điều 4 Thông tư này và Điều 19 Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;
 - e) Hội đồng bầu ban kiểm phiếu bao gồm 03 thành viên trong đó có 01 Trưởng ban;
 - g) Các thành viên hội đồng bỏ phiếu nhận xét và phiếu đánh giá đề xuất đặt hàng theo mẫu B2.2-PNXĐX-CNC và B2.3-PĐGĐX-CNC. Kết quả kiểm phiếu được tổng hợp theo mẫu B2.4-BBKPĐGĐX-CNC;
 - h) Đề xuất nhiệm vụ được đề nghị “thực hiện” khi không có nội dung trong phiếu đánh giá được đánh giá “không đạt yêu cầu”. Đề xuất được đề nghị thực hiện phải được ít nhất 2/3 số thành viên hội đồng có mặt đồng ý và số thành viên này bảo đảm không ít hơn 1/2 tổng số thành viên của hội đồng;
 - i) Hội đồng trao đổi, thảo luận, và tư vấn xác định tên nhiệm vụ, mục tiêu, kết quả dự kiến;
 - k) Trong trường hợp chưa đưa ra được kết luận cuối cùng, hội đồng lập biên bản báo cáo Bộ Công Thương xem xét, quyết định;
 - l) Thư ký khoa học lập Biên bản họp của hội đồng theo mẫu B2.5-BBXĐDM-CNC.

Điều 8. Phê duyệt danh mục nhiệm vụ đặt hàng của Chương trình

1. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi có kết quả làm việc của hội đồng, Đơn vị quản lý nhiệm vụ của Chương trình rà soát trình tự, thủ tục làm việc của hội đồng, xem xét các ý kiến tư vấn của hội đồng đối với nhiệm vụ đặt hàng theo các yêu cầu tại Điều 4 Thông tư này. Trường hợp cần thiết, Đơn vị quản lý nhiệm vụ của Chương trình báo cáo lãnh đạo Bộ lấy ý kiến tư vấn bổ sung của một đến hai chuyên gia tư vấn độc lập hoặc thành lập hội đồng khác để xác định lại nhiệm vụ của Chương trình.

2. Trên cơ sở kết quả của việc rà soát và ý kiến tư vấn quy định tại khoản 1 Điều này, Đơn vị quản lý nhiệm vụ của Chương trình xây dựng dự thảo Danh mục đặt hàng nhiệm vụ của Chương trình và báo cáo lãnh đạo Bộ gửi công văn lấy ý kiến Bộ Khoa học và Công nghệ.